

Số: /2022/TT-TANDTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

(Dự thảo 2)

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Điều 55 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về giải quyết yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính tại Tòa án

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Luật Tố tụng Hành chính ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Tòa án nhân dân tối cao;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành Điều 55 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 20 tháng 6 năm 2017.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thi hành Điều 55 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về giải quyết yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính tại Tòa án.

Điều 2. Các trường hợp giải quyết yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính

1. Trong quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án hình sự có bị cáo là người thi hành công vụ trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thi hành án hình sự, thi hành án dân sự có hành vi quy định tại Điều 17, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, thì Tòa án đang giải quyết sơ thẩm vụ án hình sự có thẩm quyền giải quyết yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nếu có yêu cầu bồi thường trong quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án hình sự.

2. Trong quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, đồng thời có yêu cầu về bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 7 của Luật Tố tụng hành chính và Điều 17 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì Tòa án đang giải quyết sơ thẩm vụ án hành chính có thẩm quyền giải quyết yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm

bồi thường của Nhà nước nếu có yêu cầu bồi thường trước hoặc tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, Tòa án không kết hợp giải quyết yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự.

Việc giải quyết yêu cầu bồi thường trong trường hợp này được thực hiện tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại theo quy định tại Mục 1 Chương V của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 3. Giải quyết yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính

1. Trong quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án hình sự, trước khi Hội đồng xét xử vụ án hình sự vào phòng nghị án thì tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp (sau đây gọi chung là người yêu cầu bồi thường) yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự giải quyết yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hướng dẫn tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

Yêu cầu giải quyết bồi thường trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án hình sự có thể được thể hiện bằng văn bản hoặc lời khai của người yêu cầu bồi thường và được ghi vào biên bản phiên tòa.

2. Trong quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án hành chính, trước hoặc tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp (sau đây gọi chung là người yêu cầu bồi thường) yêu cầu Tòa án có thẩm quyền đang giải quyết vụ án hành chính giải quyết yêu cầu bồi thường thuộc trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

Yêu cầu giải quyết bồi thường trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án hành chính có thể được thể hiện bằng văn bản hoặc lời khai của người yêu cầu bồi thường và được ghi vào biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại.

3. Việc yêu cầu giải quyết bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được xem xét, giải quyết trong cùng vụ án trừ trường hợp quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 7 Luật Tố tụng hành chính và Điều 6 Thông tư này.

Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư này sau thời điểm Hội đồng xét xử vụ án hình sự vào phòng nghị án hoặc sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại thì Tòa án không giải quyết cùng vụ án và giải thích cho họ về quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết bồi thường theo quy

định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước sau khi họ nhận được bản án, quyết định của Tòa án xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ.

Điều 4. Xác định hành vi của người thi hành công vụ gây thiệt hại là trái pháp luật

1. Tòa án có thẩm quyền xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là Tòa án xét xử vụ án hình sự, vụ án hành chính về hành vi của người thi hành công vụ trong các trường hợp hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

2. Thời điểm xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật.

Tại phòng nghị án khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử vụ án hình sự, vụ án hành chính thống nhất, quyết định về việc có hay không hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư này. Quyết định này của Hội đồng xét xử được ghi vào biên bản nghị án.

Trường hợp xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật và thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư này, Hội đồng xét xử xác định thiệt hại của tổ chức, cá nhân; xem xét, quyết định các vấn đề về bồi thường thiệt hại trong bản án giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính.

3. Trường hợp Hội đồng xét xử thống nhất, quyết định hành vi của người thi hành công vụ không trái pháp luật hoặc không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư này thì Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận yêu cầu giải quyết bồi thường của tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Quyết định này được ghi vào biên bản nghị án và trong bản án giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính.

Điều 5. Xác định thiệt hại được bồi thường

Việc xác định thiệt hại được bồi thường được thực hiện theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước sau khi Hội đồng xét xử thống nhất, quyết định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật và thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư này. Tuy nhiên, để chuẩn bị cho việc xác định thiệt hại được nhanh chóng, đầy đủ và đúng pháp luật thì trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính, ngay sau khi nhận được yêu cầu giải quyết bồi thường, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phải tiến hành thu thập chứng cứ, tài liệu có liên quan.

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phải nghiên cứu, xem xét, thẩm tra đầy đủ, toàn diện những chứng cứ, tài liệu đã được thu thập.

Điều 6. Tách yêu cầu giải quyết bồi thường để giải quyết bằng vụ án riêng theo thủ tục tố tụng dân sự

1. Trường hợp khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất, quyết định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật và thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nhưng chưa có điều kiện để chứng minh đầy đủ các vấn đề cần giải quyết đối với yêu cầu bồi thường thì Hội đồng xét xử có thể tách yêu cầu giải quyết bồi thường để giải quyết bằng vụ án riêng theo thủ tục tố tụng dân sự. Việc tách yêu cầu giải quyết yêu cầu bồi thường phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính.

Trong trường hợp này, Tòa án phải chủ động tiến hành thủ tục xem xét thụ lý, giải quyết vụ án dân sự ngay sau khi bản án hình sự, bản án hành chính có yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự độc lập có hiệu lực pháp luật mà người yêu cầu bồi thường không phải có đơn yêu cầu.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này mà bản án, quyết định hình sự, bản án, quyết định hành chính bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm hoặc bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự để chờ kết quả xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án hình sự, vụ án hành chính.

Điều 7. Rút đơn yêu cầu giải quyết bồi thường

Trường hợp Tòa án tách việc giải quyết yêu cầu bồi thường để giải quyết bằng vụ án riêng theo thủ tục tố tụng dân sự thì trước khi Tòa án vào sổ thụ lý yêu cầu giải quyết bồi thường, người yêu cầu có quyền rút đơn yêu cầu giải quyết bồi thường để đề nghị cơ quan giải quyết bồi thường quy định tại Chương IV Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước giải quyết theo quy định tại Mục 1 Chương V Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 8. Bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết yêu cầu bồi thường

1. Bản án, quyết định hình sự, hành chính của Tòa án có nội dung giải quyết yêu cầu bồi thường thuộc trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngoài việc tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tố tụng hành chính, Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao), Mẫu số 22-HC (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) thì phải có các nội dung sau đây:

a) Tại phần thông tin về người tham gia tố tụng, cần thể hiện rõ đầy đủ các thông tin của người có yêu cầu bồi thường theo hướng dẫn về cách viết đối với những người tham gia tố tụng; đồng thời, ghi rõ người có yêu cầu bồi thường là người bị thiệt hại hay người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của người bị thiệt hại hay người thừa kế của người bị thiệt hại trong trường hợp người bị thiệt hại chết hoặc tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ của tổ chức bị thiệt hại đã chấm dứt tồn tại.

b) Tại cuối phần “NỘI DUNG VỤ ÁN”, đánh đoạn riêng thể hiện rõ về nội dung chi tiết yêu cầu của người có yêu cầu bồi thường.

c) Tại cuối phần “NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN”, đánh đoạn riêng thể hiện rõ nhận định của Tòa án về các vấn đề sau đây: Hành vi của người thi hành công vụ có phải là trái pháp luật, gây thiệt hại cho người yêu cầu và thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hay không; nhận định về nội dung yêu cầu của người yêu cầu bồi thường, xác định những thiệt hại đối với người yêu cầu bồi thường do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ.

d) Tại cuối phần “QUYẾT ĐỊNH”, đánh đoạn riêng, ghi rõ “Về yêu cầu giải quyết bồi thường:” và thể hiện các nội dung sau đây:

Hành vi của người thi hành công vụ có hay không là hành vi trái pháp luật gây thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Cơ quan có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường, thực hiện phục hồi danh dự (nếu có) và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp khác (nếu có).

Thiệt hại, mức bồi thường, phục hồi danh dự (nếu có) và việc khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp khác (nếu có);

Người yêu cầu bồi thường không phải nộp án phí, lệ phí và các loại phí khác đối với nội dung yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 9. Kháng cáo, đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án giải quyết yêu cầu bồi thường đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm

Sau khi Tòa án ban hành bản án, quyết định, nếu người yêu cầu bồi thường không đồng ý với nội dung giải quyết bồi thường trong bản án, quyết định của Tòa án hoặc bản án, quyết định của Tòa án không có nội dung giải quyết bồi thường thì có quyền kháng cáo về nội dung này của bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án hoặc đề nghị người có thẩm quyền xem xét lại nội dung này của bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với phần giải quyết bồi thường của Tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự.

Yêu cầu giải quyết bồi thường thuộc trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án thì không được yêu cầu giải quyết bồi thường bằng thủ tục khác.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm

2. Tòa án áp dụng hướng dẫn của Thông tư này, các quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tố tụng hành chính về trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường để giải quyết yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà

nước trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc đề xuất, kiến nghị thì phản ánh cho Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học) để có hướng dẫn kịp thời. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo CCTPTW;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Các TAND và TAQS;
- Thành viên HĐTP TANDTC;
- Các đơn vị thuộc TANDTC;
- Công TTĐT TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH-P2.

CHÁNH ÁN

Nguyễn Hòa Bình